

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
1	Bùi Quang Thông	TS.	Thương mại điện tử	- Hành vi người tiêu dùng - Chiến lược doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp - Thương mại điện tử	1	
2	A lãng Thó	TS.	Quản trị Kinh doanh	Human Resource Management (HRM), Inclusive leadership, Employee voice, Public administration .	1	
3	Cao Minh Mẫn	TS.	Kinh doanh quốc tế	- Giao thương quốc tế, tăng trưởng và phát triển kinh tế - Thị trường chứng khoán	2	
4	Hà Minh Trí	PGS.TS.	Nghiên cứu phát triển	- Hành vi cá nhân/tổ chức, đánh giá chương trình (bao gồm dự án, chương trình và chính sách), tiếp thị, vốn xã hội, quản lý công.	1	
5	Hồ Điệp	TS.	Toán học Toán kinh tế	- Các chiến lược ngân hàng thương mại và bán lẻ ở khu vực Đông Nam Á - Quản trị rủi ro và kỹ thuật tài chính (financial engineering) - Quản lý quỹ/Tài sản/Danh mục đầu tư - Các sản phẩm tài chính có cấu trúc (Structured Finance Products) - Các quy định tài chính	0	Hết chỉ tiêu

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
6	Hồ Nhật Quang	TS.	Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá hiệu quả hoạt động R&D tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) và các doanh nghiệp trong nước. - Vấn đề quản lý các doanh nghiệp FDI tại các khu công nghiệp và khu chế xuất. - Trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp tại Việt Nam. - Các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp phụ trợ và hình thành chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. - Các vấn đề liên quan đến cán cân thương mại và cán cân thanh toán trong bối cảnh toàn cầu hóa. - Những thách thức của doanh nghiệp Việt Nam sau khi Việt Nam gia nhập hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). 	2	
7	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	TS.	Quản trị Kinh doanh	FDI spillovers, firm behavior, customer behavior, sustainable business	1	
8	Lê Đình Minh Trí	PGS.TS.	Marketing	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quản trị chiến lược 2. Môi trường kinh doanh 	0	Hết chỉ tiêu
9	Lê Văn Chon	TS.	Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế lượng ứng dụng - Kinh tế vi mô ứng dụng 	1	
10	Mai Ngọc Khương	PGS.TS.	Quản lý phát triển	<ol style="list-style-type: none"> 1. Mối quan hệ giữa các tổ chức 2. Quản lý phát triển Du lịch và Khách sạn 3. Nghiên cứu tiếp thị (Hành vi người tiêu dùng) 4. Hành vi tổ chức (Hành vi của Lãnh đạo và nhân viên) 5. Đạo đức kinh doanh 	0	Hết chỉ tiêu

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
11	Nguyễn Hồng Anh	TS.	Kinh doanh quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh quốc tế - Quản trị - Kế toán và tài chính 	3	
12	Nguyễn Ngọc Duy Phương	PGS.TS	Kinh tế phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị công, chính phủ điện tử, đánh giá dịch vụ công, thay đổi tổ chức công và sự sáng tạo - Hành vi tổ chức: sự hài lòng với công việc, tạo động lực cho nhân viên, tỷ lệ nhân viên nghỉ việc, các đặc điểm của lãnh đạo, tác động của khả năng lãnh đạo lên kết quả hoạt động, Văn hóa doanh nghiệp, hiệu suất tổ chức. - Hành vi người tiêu dùng: Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, thái độ nhân thức (perceive attitude), ý định mua sắm, sự trung thành của khách hàng. - Chuỗi cung ứng và logistics. 	0	Hết chỉ tiêu
13	Nguyễn Như Tỷ	PGS.TS	Quản lý Kỹ thuật công nghiệp và quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị vận hành (Operations Management), Đánh giá hiệu quả, Dự báo, Quản trị doanh nghiệp - Các mô hình dự báo: Ứng dụng và tối ưu hóa các mô hình dự báo để tăng độ chính xác và hiệu quả (dự báo lao động, nhu cầu tiêu dùng, trực trực tiền tệ...) - Đánh giá hoạt động and Liên minh chiến lược: Sử dụng mô hình DEA để đánh giá một ngành công nghiệp (du lịch, điện tử,...), từ đó đề xuất liên minh chiến lược khả thi cho ngành công nghiệp đó. - Chiến lược lựa chọn (Selection strategies): Sử dụng AHP and và một số phương pháp định tính để tạo ra các chiến lược trong việc lựa chọn liên minh, hàng hóa hay dịch vụ - Lĩnh vực quản trị vận hành (lên kế hoạch, MRP, bố trí cơ sở) ; và lĩnh vực nhỏ liên quan đến ngôn ngữ học (nghiên cứu hành vi, động lực và thái độ) 	0	Hết chỉ tiêu

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
14	Nguyễn Phương Anh	TS.	Toán ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích năng suất và hiệu quả của hệ thống ngân hàng, các công ty bảo hiểm sử dụng các chỉ số năng suất. - Các yếu tố quyết định hiệu quả và năng suất. - Hiệu quả và năng suất với các biện pháp kiểm soát quản lý rủi ro. - Sáp nhập và mua lại. Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. - Năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng và các định chế tài chính. - Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh. - Phân tích hội tụ năng suất trong các ngành kinh tế. Bẫy thu nhập trung bình. - Các phương pháp định lượng trong xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp. 	2	
15	Nguyễn Văn Phương	PGS. TS.	Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động sáp nhập doanh nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp và giá cổ phiếu? - Quản trị rủi ro trong hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng. - Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và các tỉnh. - Tái cấu trúc doanh nghiệp ảnh hưởng đến quyền lợi và cơ hội nghề nghiệp của người lao động. - Doanh nghiệp Việt Nam đã sẵn sàng cho việc hội nhập sâu rộng chưa? - Quản lý nhà nước có ảnh hưởng như thế nào đối với hoạt động của các doanh nghiệp FDI. - Đánh giá nhu cầu sử dụng các dịch vụ tư vấn tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam. 	0	Hết chỉ tiêu

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
16	Phạm Tấn Nhật	PGS.TS.	Quản trị Kinh doanh	Human resource management, sustainable human resource management. Employee behavior and effectiveness. Management and marketing in tourism. Customer behavior and digital marketing. The role of digitalization in business. Leadership.	2	
17	Phan Triều Anh	TS.	Quản trị	- Văn hóa doanh nghiệp và kết quả kinh doanh - Ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh - Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ - Đào tạo trong các tổ chức	3	
18	Trần Tiến Khoa	PGS.TS	Quản trị kinh doanh	- Quản trị thương hiệu - Tiếp thị theo quan hệ - Tiếp thị mạng lưới	0	Hết chỉ tiêu
19	Trịnh Công Tâm	TS.	Kinh tế	Applied economics, microeconomics, macroeconomics, international trade, insurance economics, national culture, tourism, entrepreneurship, and innovation	2	
20	Trịnh Quốc Đạt	TS.	Tài chính	Financial theory Factors affecting the stock market Dividend policy	1	

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
21	Trương Quang Được	TS.	Kinh doanh quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng mô hình Servqual để to đánh giá sự hài lòng của khách hàng của công ty X - Mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng trong tình huống của công ty X - Nhận thức của giảng viên – sinh viên về kỹ năng xin việc. Tìm hiểu sự hài lòng của sinh viên về chất lượng của dịch vụ đào tạo ở các trường kinh doanh 	3	
22	Zafar Uddin Ahmed	GS.TS.	Kinh tế học		2	
23	Võ Thị Quý	PGS. TS.	Kinh tế Kinh doanh quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề về hình thức sở hữu vốn và văn hóa tổ chức doanh nghiệp ở các nước đang chuyển đổi. - Nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp thông qua việc xử lý khiếu nại khách hàng. - Nghiên cứu tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Những bài học kinh nghiệm sau khi cổ phần hóa. - Xây dựng tiêu chí định giá doanh nghiệp phù hợp với điều kiện hiện tại của doanh nghiệp Việt Nam. - Các vấn đề về quản trị doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa. - Vấn đề tái cấu trúc vốn qua hành vi tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam. - Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay tại các doanh nghiệp Việt Nam. - Những bất cập trong hệ thống kế toán Việt Nam trong quá trình hội nhập thế giới. - Vấn đề chuyên giá tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. 	0	Hết chỉ tiêu

Stt	Họ tên giảng viên	Học hàm/ Học vị	Chuyên ngành	Lĩnh vực nghiên cứu	SL NCS được hướng dẫn	Ghi chú
24	Võ Tường Huân	TS.	Quản trị Kinh doanh	1. Hành vi của người tiêu dùng đối với sản phẩm và dịch vụ 2. Hành vi của nhân viên trong tổ chức	2	
25	Võ Xuân Hồng	TS.	Kinh doanh quốc tế (tài chính)	- Tài chính doanh nghiệp thực nghiệm: đầu tư doanh nghiệp, hiệu quả đầu tư, nắm giữ tiền mặt, chất lượng báo cáo tài chính, chất lượng thu nhập, sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân - Định giá tài sản thực nghiệm: quán tính, dự đoán lợi nhuận, phân tích kỹ thuật - Ngân hàng: sức mạnh thị trường, các loại rủi ro ngân hàng - Các hành vi giao dịch của nhà đầu tư nhỏ và nhà đầu tư tổ chức	3	